

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13 /CV-PIV

Hà Nội, ngày 14 tháng 05 năm 2013

V/v: Giải trình kết quả HĐSXKD hợp nhất Quý  
1/2013

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

- Tên tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần PIV
- Trụ sở chính: Tầng 3 TN Lucky, số 66 Trần Thái Tông, Dịch Vọng, Cầu Giấy, HN
- Điện thoại: 04.3767 6699 Fax: 04.3767 6677
- Nội dung công bố thông tin: Giải trình kết quả HĐSXKD hợp nhất Quý 1/2013 có biến động 10% so với cùng kỳ năm 2012.

Lợi nhuận sau thuế Quý 1/2012 là 1.282.691 đồng

Lợi nhuận sau thuế Quý 1 /2013 là (292.110.432) đồng

Nguyên nhân dẫn tới biến động lợi nhuận sau thuế Quý 1/2013 so với quý 1/2012 chủ yếu là do nguyên nhân sau:

Năm 2012 nền kinh tế Việt Nam gặp nhiều khó khăn và Công ty cổ phần PIV cũng đứng trước những khó khăn chồng chất, hoạt động sản xuất kinh doanh chưa đạt hiệu quả. Cụ thể,

- Doanh thu quý 1/2013 đã đạt 666.541.171 đồng giảm mạnh với quý 1 năm 2012 mặc dù Ban lãnh đạo Công ty đã cố gắng để cải thiện, mở rộng thêm nhiều lĩnh vực kinh doanh mới nhưng chưa đạt hiệu quả như mong đợi.

- Doanh thu hoạt động đầu tư tài chính quý 1/2013 không có trong khi công ty vẫn trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính 14.677.154 đồng. Trong khi đó, Doanh thu hoạt động tài chính quý 1/2012 là 186.463.308 đồng.

- Chi phí quản lý Công ty trong Quý 1/2013 là 835.942.994 đồng tăng so với cùng kỳ năm trước là 17%, tương ứng tăng là 134.590.576 đồng.

Trên đây là những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh Quý 1/2013 của Công ty Cổ phần PIV đã biến động so với Quý 1/2012.

Công ty chúng tôi xin giải trình với Quý Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Trân trọng kính chào.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu KT-TH.



**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14 /CV-PIV

Hà Nội, ngày 14 tháng 05 năm 2013

V/v: Công bố thông tin Báo cáo tài chính hợp  
nhất Quý 1/2013

**Kính gửi:** - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

1. Tên Công ty: **Công ty Cổ phần PIV**
2. Mã chứng khoán: PIV
3. Trụ sở chính: Tầng 3 Tòa nhà Lucky, số 66 Trần Thái Tông, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội
4. Điện thoại: 04.3767 6699 Fax: 04.3767 6677
5. Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thị Hà Chức vụ: Tổng giám đốc
6. Nội dung của thông tin công bố:
  - 6.1 Báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 năm 2013 của Công ty CP PIV được lập ngày 14/5/2013 bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.
  - 6.2 Nội dung giải trình (chênh lệch 10% LNST so với cùng kỳ năm ngoái/kết quả kinh doanh trong quý bị lỗ)

Gửi kèm Công văn số 13/CV-PIV Giải trình Kết quả HĐSXKD hợp nhất Quý 1/2013


7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo : [www.piv.vn](http://www.piv.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu P.KT-TH.

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN**

  
Nguyễn Thị Hà

CÔNG TY: CÔNG TY CỔ PHẦN PIV

Địa chỉ: Tầng 3, toà nhà Lucky, số 66 Trần Thái Tông, Dịch Vọng, Cầu Giấy, HN

Tel: 04.3767.6699 Fax: 04.3767.6677

Báo cáo tài chính

Quý I năm tài chính 2013

Mẫu số: Q-01d

**DN - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
**QUÝ I /2013**

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
<b>TÀI SẢN</b>			<b>0</b>	<b>0</b>
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>7.270.821.678</b>	<b>7.401.369.094</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>740.104.484</b>	<b>4.388.006.520</b>
1. Tiền	111	V.01	740.104.484	3.411.069.316
2. Các khoản tương đương tiền	112			976.937.204
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>584.820.000</b>	<b>103.474.980</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		599.497.154	103.474.980
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(14.677.154)	
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>4.519.965.117</b>	<b>1.718.863.916</b>
1. Phải thu khách hàng	131		1.419.392.182	1.602.538.897
2. Trả trước cho người bán	132		185.312.727	186.312.727
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	2.985.398.248	150.332
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(70.138.040)	(70.138.040)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.04	-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.425.932.077</b>	<b>1.191.023.678</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		191.802.133	309.380.943
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.087.623	9.451.333
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	173.425.822	173.147.337
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.051.616.499	699.044.065
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>14.629.024.505</b>	<b>14.783.503.846</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07	-	-
5. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.656.932.726</b>	<b>2.791.554.473</b>
<b>1. Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>221</b>	<b>V.08</b>	<b>2.656.932.726</b>	<b>2.791.554.473</b>
- Nguyên giá	222		3.353.411.299	3.353.411.299
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(696.478.573)	(561.856.826)
<b>2. Tài sản cố định thuê tài chính</b>	<b>224</b>	<b>V.09</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
<b>3. Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>	<b>V.10</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	228		31.284.600	31.284.600
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(31.284.600)	(31.284.600)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11		-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.12</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>11.910.000.000</b>	<b>11.889.220.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con				
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	11.910.000.000	11.910.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			(20.780.000)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>62.091.779</b>	<b>102.729.373</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	46.091.779	86.729.373
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		16.000.000	16.000.000


M.S.N

VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>21.899.846.183</b>	<b>22.184.872.940</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>			-	-
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>8.985.662.464</b>	<b>8.845.992.885</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>4.036.571.555</b>	<b>3.945.992.885</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	250.000.000	250.000.000
2. Phải trả người bán	312		1.665.679.550	1.481.380.704
3. Người mua trả tiền trước	313		1.293.970.396	1.475.880.992
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.16	73.966.407	67.842.133
5. Phải trả người lao động	315		188.057.697	164.562.116
6. Chi phí phải trả	316	V.17	177.994.463	230.545.774
7. Phải trả nội bộ	317			-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	341.265.304	230.143.428
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		45.637.738	45.637.738
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.949.090.909</b>	<b>4.900.000.000</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	4.900.000.000	4.900.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		49.090.909	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>10.164.760.002</b>	<b>10.456.870.434</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.22</b>	<b>10.164.760.002</b>	<b>10.456.870.434</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		12.000.000.000	12.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		278.286.705	278.286.705
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		165.685.439	165.685.439
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		35.157.200	35.157.200
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(2.314.369.342)	(2.022.258.910)
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432	V.23	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>C. LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG THIẾU SÓ</b>	<b>439</b>		<b>2.749.423.717</b>	<b>2.882.009.621</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>21.899.846.183</b>	<b>22.184.872.940</b>
<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG</b>			-	-
1. Tài sản thuê ngoài	01	V.24	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	02		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	03		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	04		-	-
5. Ngoại tệ các loại	05		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	06		-	-

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

  
Đào Thị Thanh



Nguyễn Thị Hà

CÔNG TY: CÔNG TY CỔ PHẦN PIV

Địa chỉ: Tầng 3, toà nhà Lucky, số 66 Trần Thái Tông, Dịch Vọng, Cầu Giấy, HN

Tel: 04.3767.6699 Fax: 04.3767.6677

DN - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT - QUÝ I NĂM 2013

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	666.541.171	1.004.470.921	666.541.171	1.004.470.921
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	-	58.840.944	-	58.840.944
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>VI.27</b>	<b>666.541.171</b>	<b>945.629.977</b>	<b>666.541.171</b>	<b>945.629.977</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	264.412.319	378.905.603	264.412.319	378.905.603
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>402.128.852</b>	<b>566.724.374</b>	<b>402.128.852</b>	<b>566.724.374</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	3.014.960	186.463.308	3.014.960	186.463.308
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	(6.102.846)	847.500	(6.102.846)	847.500
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			-		-
8. Chi phí bán hàng	24			49.318.610		49.318.610
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		835.942.994	701.352.418	835.942.994	701.352.418
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh(30=20+(21-22) - (24+25))</b>	<b>30</b>		<b>(424.696.336)</b>	<b>1.669.154</b>	<b>(424.696.336)</b>	<b>1.669.154</b>
11. Thu nhập khác	31		-	120.131.175	-	120.131.175
12. Chi phí khác	32		-	120.023.096	-	120.023.096
<b>13. Lợi nhuận khác(40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>108.079</b>	<b>-</b>	<b>108.079</b>
14. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45			-		-
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(424.696.336)</b>	<b>1.777.233</b>	<b>(424.696.336)</b>	<b>1.777.233</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	-	444.308	-	444.308
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.31		-		-
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>(424.696.336)</b>	<b>1.332.925</b>	<b>(424.696.336)</b>	<b>1.332.925</b>
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(132.585.904)	50.234	(132.585.904)	50.234
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		(292.110.432)	1.282.691	(292.110.432)	1.282.691
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70					-

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Đào Thị Thanh

Tổng giám đốc

Nguyễn Thị Hà





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần PIV là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102636059 ngày 29 tháng 01 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 28 tháng 09 năm 2011 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là : **12.000.000.000 (Mười hai tỷ đồng)**

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 1.200.000 cổ phần

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

*Cung cấp dịch vụ, kinh doanh thương mại và sản xuất.*

#### 3. Ngành nghề kinh doanh:

*Theo Giấy đăng ký kinh doanh ban đầu và các Giấy đăng ký kinh doanh điều chỉnh, bổ sung thì ngành nghề kinh doanh của Công ty là:*

- Sản xuất thảm, chăn đệm;
- Bán len vải, len, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử viễn thông
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong ngành xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh
- Bán buôn máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm
- Xuất bán phần mềm (Trừ hoạt động xuất bán phẩm)
- Hoạt động dịch vụ thông tin và các dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính
- May trang phục (trừ trang phục từ sa lông thú)
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)
- Lập trình máy vi tính
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh
- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và các thiết bị trong mạch điện)
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng
- Hoàn thiện công trình xây dựng
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí
- Lắp đặt hệ thống điện
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng: vật liệu xây dựng, thàng máy
- Xây lắp các công trình chuyên ngành bưu chính, viễn thông
- Đại lý cung cấp các dịch vụ viễn thông
- Dịch vụ kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải
- Vận tải đường bộ, vận tải đường ống

- Bán buôn tổng hợp: Hóa chất, phụ gia xây dựng và vật liệu xây dựng
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, các công trình hạ tầng đô thị và các khu dân cư
- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu phao, phao cứu sinh, lều, bạt, vai các loại, hàng dệt may
- Sản xuất, cung cấp, lắp đặt, kinh doanh các thiết bị, sản phẩm nội- ngoại thất dùng cho tòa nhà văn phòng, chung cư, khách sạn, nhà hàng.
- Mua bán lắp đặt các thiết bị phục vụ hệ thống thông tin, viễn thông- truyền hình
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa
- Dịch vụ tổ chức tài trợ, tổ chức sự kiện về vấn đề kinh tế, xã hội, giải trí, thể thao, truyền hình; Lập và tổ chức các dự án truyền thông, dịch vụ văn hóa, giải trí du lịch
- Sản xuất phim quảng cáo, tiếp thị quảng cáo, quảng cáo đa phương tiện (truyền hình, internet, ấn phẩm báo chí, phát thanh trực tiếp) (không bao gồm sản xuất phim)
- Tư vấn và cung cấp dịch vụ quản trị doanh nghiệp (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế)
- Tư vấn đấu thầu (không bao gồm xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng)
- Kinh doanh bất động sản
- Tư vấn cung cấp thông tin kinh tế, thị trường (Không bao gồm dịch vụ điều tra cung cấp thông tin Nhà nước cấm)
- Tư vấn cổ phần hóa, tái cơ cấu doanh nghiệp và mua bán sáp nhập doanh nghiệp (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính)
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản trong phạm vi sau đây:
  - + Dịch vụ môi giới bất động sản
  - + Dịch vụ tư vấn bất động sản
  - + Dịch vụ quảng cáo bất động sản
  - + Dịch vụ quản lý bất động sản./.

## II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

- Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Kỳ kế toán của kỳ Báo cáo này là từ 01/1/2013 đến 31/03/2013.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

### *Chế độ kế toán áp dụng:*

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/ 2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Trên máy vi tính



#### IV. Các chính sách kế toán áp dụng

##### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

###### 1.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Tại thời điểm cuối năm tài chính các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên Ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

###### 1.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

##### 2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

**2.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

**2.2. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

##### 3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

###### 3.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

**3.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:** Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	04 năm
- Phương tiện vận tải	05-09 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

##### 4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

###### 4.1. Nguyên tắc ghi nhận

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và tài sản đồng kiểm soát được công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên liên doanh theo hợp đồng liên doanh.

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

#### 4.2. Lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính

##### - Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

Dự phòng đầu tư cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

$$\text{Mức dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính} = \left[ \begin{array}{l} \text{Vốn góp thực tế} \\ \text{của các bên tại} \\ \text{tổ chức kinh tế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Vốn chủ} \\ \text{sở hữu thực} \\ \text{có} \end{array} \right] \times \frac{\text{Vốn đầu tư của doanh nghiệp}}{\text{Tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế}}$$

##### - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán :

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được tính cho mỗi loại chứng khoán và tính theo công thức sau:

Mức	Số lượng	Giá	Giá
dự phòng giảm	chứng khoán bị giảm	chứng khoán hạch	chứng khoán
giá đầu tư	giá tại thời điểm lập	toán trên sổ kế	thực tế trên thị
chứng khoán	báo cáo tài chính	toán	trường

- Đối với chứng khoán đã niêm yết:

+ Giá chứng khoán thực tế trên các Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.

+ Giá chứng khoán thực tế trên các sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết:

+ Giá chứng khoán thực tế đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

+ Giá chứng khoán thực tế chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán thì không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

- Đối với những chứng khoán niêm yết bị huỷ giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

#### **5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay.**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh

#### **6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác:**

##### **Chi phí trả trước:**

- *Chi phí trả trước ngắn hạn* : Là các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính
- *Chi phí trả trước dài hạn* : Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

#### **7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

#### **8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu

có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### **9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

#### **10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước

*Nguyên tắc ghi nhận cổ tức:* Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

#### **11. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

#### **12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

##### **12.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

**12.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ** được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phân công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**12.3. Doanh thu hoạt động tài chính:** Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### 13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

**Chi phí tài chính:** Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính..

**Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:** là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

### 14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

- **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành:** Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác.

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

- **Thuế thu nhập hoãn lại:** Được tính trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.
- Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.
- Đối với các công ty đầu tư nước ngoài, dự án... có chính sách thuế riêng thì phải nêu rõ vào đây.

### 15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

**Cơ sở lập báo cáo tài chính:** Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Lucky, số 66 Trần Thái Tông,  
Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

**V - Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán:**

Đơn vị tính: VND

**V.01 . TIỀN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	355.467.922	3.411.069.316
Tiền gửi ngân hàng (VND)	384.636.562	976.937.204
<b>Cộng</b>	<b>740.104.484</b>	<b>4.388.006.520</b>

**V.02 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	584.820.000	103.474.980
Đầu tư ngắn hạn khác	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>584.820.000</b>	<b>103.474.980</b>

**V.03 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	153.169.168	153.169.168
- Thuế khác nộp thừa	19.978.169	19.978.169
<b>Cộng</b>	<b>173.147.337</b>	<b>173.147.337</b>

**V.04 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị DCQL	TSCĐ khác	Cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>						
Số dư đầu kỳ	-	-	3.150.167.741	203.243.558	-	3.353.411.299
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư XD/CB	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	3.150.167.741	203.243.558	-	3.353.411.299
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	-	-	455.796.595	106.060.231	-	561.856.826
Số tăng trong kỳ	-	-	120.838.576	13.783.171	-	134.621.747
- Khấu hao trong kỳ	-	-	120.838.576	13.783.171	-	134.621.747
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	576.635.171	119.843.402	-	696.478.573
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu kỳ	-	-	2.694.371.146	97.183.327	-	2.791.554.473
Tại ngày cuối kỳ	-	-	2.573.532.570	83.400.156	-	2.656.932.726

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Lucky, số 66 Trần Thái Tông,  
Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B 09-DN/HN****V.05 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	-	-	31.284.600	-	31.284.600
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	31.284.600	-	31.284.600
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	-	-	31.284.600	-	31.284.600
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	-	-	31.284.600	-	31.284.600
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu kỳ	-	-	-	-	-
Tại ngày cuối kỳ	-	-	-	-	-

**V.07 . ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

Tên đơn vị	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty CP BĐS xây lắp dầu khí VN (PVC land)	50.000	500.000.000	50.000	500.000.000
Công ty CP Đầu tư và xây dựng số 4 (ICON 4)	100.000	1.500.000.000	100.000	1.500.000.000
Công ty CP Đầu tư Vạn Phúc Gia	175.000	3.010.000.000	175.000	3.010.000.000
Công ty CP địa ốc Dầu khí Gia Định	200.000	2.000.000.000	200.000	2.000.000.000
Công ty CP Đầu tư và Thương mại SOCHI	490.000	4.900.000.000	490.000	4.900.000.000
Cổ phiếu thưởng TCS			5.000	53.000.000
Công ty CP xây dựng số 7			27000	351.228.930
<b>Tổng</b>	<b>1.015.000</b>	<b>11.910.000.000</b>	<b>1.047.000</b>	<b>12.314.228.930</b>

**V.07 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	46.091.779	86.729.373
<b>Cộng</b>	<b>46.091.779</b>	<b>86.729.373</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Lucky, số 66 Trần Thái Tông,  
Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

**V.08 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	19.271.956	18.335.383
Thuế thu nhập doanh nghiệp	169.589	7.250.209
Thuế thu nhập cá nhân	54.524.862	42.256.541
<b>Cộng</b>	<b>73.966.407</b>	<b>67.842.133</b>

**V.09 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	31.870.444	-
Bảo hiểm y tế	1.054.845	-
Bảo hiểm xã hội	5.625.840	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	302.714.175	230.143.428
<b>Cộng</b>	<b>341.265.304</b>	<b>230.143.428</b>

**V.10 . VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn	4.900.000.000	4.900.000.000
Vay dài hạn cá nhân	4.900.000.000	4.900.000.000
Nguyễn Thị Bảo Linh	2.400.000.000	2.400.000.000
Vũ Tuấn Sơn	500.000.000	500.000.000
Vũ Thái Quý	1.900.000.000	1.900.000.000
Nguyễn Vũ Trọng Minh	100.000.000	100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.900.000.000</b>	<b>4.900.000.000</b>

Chi tiết các khoản vay dài hạn

Số HĐ	Bên cho vay	Lãi suất vay	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc đến 31/12/2010	Nợ dài hạn đến hạn trả	Phương thức vay
02/2011/HDDVV-PIV	Nguyễn Thị Bảo Linh		24 tháng	2.400.000.000		Vay 1 lần
04/2011/HDDVV-PIV	Vũ Tuấn Sơn		24 tháng	500.000.000		Vay 1 lần
01/2011/HDDVV-PIV	Vũ Thái Quý		24 tháng	1.900.000.000		Vay 1 lần
03/2011/HDDVV-PIV	Nguyễn Vũ Trọng Minh		24 tháng	100.000.000		Vay 1 lần
	<b>Cộng</b>			<b>4.900.000.000</b>	-	

**V.11 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu



**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Lucky, số 66 Trần Thái Tông,  
Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

MÃ SỐ B 09-DN/HN

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	12.000.000.000	278.286.705	165.685.439	35.157.200	(1.509.922.760)	10.969.206.584
Tăng vốn năm trước	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn năm trước	-	-	-	-	512.336.150	512.336.150
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	512.336.150	512.336.150
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư đầu năm</b>	12.000.000.000	278.286.705	165.685.439	35.157.200	(2.022.258.910)	10.456.870.434
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	292.110.432	292.110.432
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	292.110.432	292.110.432
<b>Số dư cuối năm</b>	12.000.000.000	278.286.705	165.685.439	35.157.200	(2.314.369.342)	10.164.760.002

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của Nhà nước	-	-
- Vốn góp của các đối tượng khác	12.000.000.000	12.000.000.000
+ Do pháp nhân nắm giữ	3.000.000.000	3.000.000.000
+ Do thể nhân nắm giữ	9.000.000.000	9.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>12.000.000.000</b>	<b>12.000.000.000</b>

**e- Các quỹ của doanh nghiệp:**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	45.637.738	45.637.738
- Quỹ đầu tư phát triển	278.286.705	278.286.705
- Quỹ dự phòng tài chính	165.685.439	165.685.439
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	35.157.200	35.157.200

**V.13 . LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**

Số dư đầu kỳ	2.882.009.621
Lợi ích cổ đông thiểu số phát sinh năm 2013	(132.585.904)
Số dư cuối kỳ	2.749.423.717

**VI - Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Đơn vị tính: VND

**VI.01 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Quý này	Quý trước
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	666.541.171	1.004.470.921
<b>Cộng</b>	<b>666.541.171</b>	<b>1.004.470.921</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Lucky, số 66 Trần Thái Tông,  
Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

MÃU SỐ B 09-DN/HN

**VI.02. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Quý này	Quý trước
- Chiết khấu thương mại		58.840.944
- Giảm giá hàng bán		
- Hàng bán bị trả lại		
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>58.840.944</b>

**VI.03. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Quý này	Quý trước
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	666.541.171	945.629.977
<b>Cộng</b>	<b>666.541.171</b>	<b>945.629.977</b>

**VI.04. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Quý này	Quý trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	264.412.319	378.905.603
<b>Cộng</b>	<b>264.412.319</b>	<b>378.905.603</b>

**VI.05. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Quý này	Quý trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.014.960	
Lãi đầu tư cổ phiếu		
Cổ tức, lợi nhuận được chia		186.463.308
<b>Cộng</b>	<b>3.014.960</b>	<b>186.463.308</b>

**VI.06. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Quý này	Quý trước
Chi phí lãi tiền vay		
Lỗ từ đầu tư cổ phiếu		
Chi phí tài chính khác	(6.102.846)	847.500
<b>Cộng</b>	<b>(6.102.846)</b>	<b>847.500</b>

**VI.07. THU NHẬP KHÁC**

	Quý này	Quý trước
Thu nhập khác		120.131.175
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>120.131.175</b>

**VI.08. CHI PHÍ KHÁC**

	Quý này	Quý trước
Chi phí hỗ trợ showroom		120.023.096
Chi phí thanh lý		
Chi phí khác	5.726.914	
<b>Cộng</b>	<b>5.726.914</b>	<b>120.023.096</b>

**VI.09. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Quý này	Quý trước
Công ty mẹ		
Công ty con		

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Lucky, số 66 Trần Thái Tông,  
Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Thu nhập trước thuế TNDN	(150.380.672)	(274.315.664)	
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>			
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>			
Thu nhập chịu thuế TNDN năm 2012	(150.380.672)	(274.315.664)	-
Thuế TNDN hiện hành (Thuế suất 25%)			-
Thuế TNDN được miễn giảm			
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>-</b>

**VI.8. PHÂN TÍCH MỘT SỐ CHỈ TIÊU CƠ BẢN**

Chỉ tiêu	Đvt	Năm này	Năm trước
<b>Cơ cấu tài sản &amp; cơ cấu nguồn vốn</b>			
<b>Cơ cấu tài sản</b>			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng Tài sản	%	33,80	33,60
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	67,51	66,64
<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	40,39	39,87
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	47,75	47,14
<b>Khả năng thanh toán</b>			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,48	2,51
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,88	1,88
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,14	1,14
<b>Tỷ suất sinh lời</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	(11,79)	(11,85)
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	(11,80)	(11,80)

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Thông tin về các bên liên quan**

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan:


Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty Cổ phần Thẩm định giá Dầu khí PIV	Công ty con	Thuế tài sản	45.000.000

Hà Nội, ngày 4 tháng 5 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

  
 Đào Thị Thanh

  
 Giám đốc  
 Nguyễn Thị Hà